

TRI THỨC BẢN ĐỊA SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI XÃ CHÂN SƠN, HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYỀN QUANG

Nguyễn Thị Thu Hiền^{1,*}, Trịnh Đình Khả¹, Bùi Thị Hoài Thương²

¹Trường Đại học Thủy lợi, Hà Nội

²Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá kinh nghiệm sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số Dao, Cao Lan tại xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Các phương pháp sử dụng gồm có: Điều tra cộng đồng, thu thập mẫu vật, định danh tên loài, đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc, đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác định được 123 loài cây thuốc thuộc 113 chi, 69 họ được cộng đồng dân tộc ở khu vực nghiên cứu sử dụng trong phòng và chữa bệnh cho người dân. Cây thuốc thuộc 7 dạng sống chính gồm: thân thảo, cây bụi, dây leo, cây gỗ nhỏ, cây gỗ lớn, cây gỗ trung bình, cây ký sinh và bán ký sinh. Cây thuốc thường phân bố ở 4 môi trường sống như: xung quanh làng xóm, làng bản, vườn; rừng; đồi và ven sông. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì bộ phận lá, thân và cả cây được sử dụng nhiều nhất. Nghiên cứu đã xác định được 18 nhóm bệnh được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan tại khu vực nghiên cứu, trong đó có 4 nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là: bệnh đường tiết niệu, bệnh xương khớp, hệ vận động, bệnh về đường tiêu hóa và thuốc bổ. Đã xác định được danh lục 11 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn tại khu vực nghiên cứu và chiếm 8,94% so với tổng số loài ghi nhận được.

Từ khóa: Cây thuốc, Chân Sơn, tri thức bản địa, Yên Sơn

Indigenous knowledge using medicinal plants of ethnic minority communities in Chan Son commune, Yen Son district, Tuyen Quang province

This study was conducted to assess the experience of medicinal plant resources of Dao and Cao Lan ethnic minority communities in Chan Son commune, Yen Son district, Tuyen Quang province. The methods used including community survey, specimen collection, identification of the species name, assessment of the diversity of medicinal plant resources, assessment of the endangered level of medicinal plant species. The results of the research have identified initially 123 species of medicinal plants of 113 genera and 69 families which the Dao and Cao Lan ethnic minority communities have used for diseases prevention and treatment. There are 7 main life forms of the medicinal plants: herbaceous, shrubs, vines, small wood trees, large wood trees, moderate wood trees, parasitic trees, and semi-parasitic trees. Medicinal plants are usually distributed in 4 habitats such as: around the villages, gardens; forest; hills, and riverside. Among the parts used as medicine, the leaves, stems and whole plants are used the most. The results show that there are 18 groups of diseases that could be cured by the experience of using medicinal plants of Dao and Cao Lan ethnic minority communities in the study area, of which 4 groups of diseases occupy the highest rate: urinary tract disease, diseases of joints and motor system and tonic. A list of 11 medicinal plant species with conservation value has been identified in the study area and accounts for 8.94% of the total species.

Keywords: Chan Son Commune, indigenous knowledge, medicinal plants, Yen Son district

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bằng những kinh nghiệm dân gian của những người làm thuốc trong mỗi cộng đồng dân tộc thiểu số, những tri thức về cây thuốc được truyền miệng và lưu truyền cho con cháu đời sau, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trải qua thời gian, các bài thuốc có tính độc đáo và trở nên thông dụng được lưu truyền trong việc chăm sóc sức khỏe người dân của cộng đồng. Vì vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu và bảo tồn cây thuốc cũng như bảo tồn tri thức y học dân gian đã và đang được tiến hành mang lại nhiều giá trị khoa học cũng như thực tiễn.

Chân Sơn là một xã thuộc huyện Yên Sơn có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống như: Tày, Dao, Cao Lan, Mông... Từ rất lâu đời, đồng bào các dân tộc thiểu số ở huyện Yên Sơn - tỉnh Tuyên Quang đã có truyền thống chữa bệnh từ nguồn tài nguyên cây thuốc, mỗi dân tộc nơi đây lại mang bản sắc và kinh nghiệm chữa bệnh bằng thực vật làm thuốc rất đa dạng. Trong đó các dân tộc Dao, Cao Lan... ở xã Chân Sơn có nhiều kiến thức và kinh nghiệm độc đáo về việc chữa bệnh bằng cây thuốc. Tuy nhiên hiện nay diện tích rừng ngày càng có xu hướng bị thu hẹp, tình trạng khai thác và mua bán các sản phẩm từ rừng diễn ra một cách phức tạp, điều này dẫn đến nguồn tài nguyên cây thuốc ngày càng bị suy giảm, bên cạnh đó những bài thuốc dân gian của các cộng đồng dân tộc sử dụng từ bao đời nay trong việc phòng và trị một số bệnh chưa được biết nhiều đến cũng như chưa được chứng minh bằng khoa học. Do đó việc nghiên cứu tri thức bản địa sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số tại xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang là cần thiết làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và các bài thuốc quý tại địa phương.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian thực hiện nghiên cứu

Từ tháng 11/2020 đến tháng 7/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra cộng đồng: Tại khu vực nghiên cứu (KVNC), phỏng vấn các ông lang, bà mẹ, người dân có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc và sử dụng các bài thuốc gia truyền của cộng đồng dân tộc Dao, Cao Lan tại địa bàn nghiên cứu. Mẫu phiếu điều tra dựa theo phiếu điều tra cây thuốc trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian của Viện Dược liệu (Viện Dược liệu, 1993). Tiến hành thu thập đầy đủ các thông tin cây thuốc gồm: tên phổ thông, tên dân tộc; số hiệu mẫu; dạng sống; môi trường sống; bộ phận sử dụng làm thuốc (thân, rễ, hoa, quả, hạt...); công dụng làm thuốc.

Phương pháp thu thập mẫu vật: Mẫu vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997).

Phương pháp xác định tên khoa học: Các loài phổ biến được định danh trực tiếp tại thực địa. Đối với các loài chưa biết, tiến hành thu thập mẫu vật (gồm đoạn cành có hoa hoặc có quả hoặc có cả hoa và quả; đối với các cây thảo nhỏ thì mẫu vật là cả cây), sấy khô và lưu trữ để phục vụ quá trình định loại. Tên khoa học của loài được xác định dựa theo kinh nghiệm của các chuyên gia khoa học về phân loại thực vật và dựa theo các tài liệu chuyên khảo về phân loại thực vật bao gồm: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999), Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2005), Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - ĐHQG Hà Nội và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn Lâm Việt Nam, 2006).

Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc: dựa trên phương pháp của

Nguyễn Nghĩa Thìn trong các phương pháp nghiên cứu thực vật (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007).

Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc: Xác định những cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở khu vực nghiên cứu theo: Sách Đỏ Việt Nam, phần thực vật (Bộ KH&CN, 2007), Nghị định 06/2019/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2019), Cẩm nang cây thuốc cần được bảo vệ ở Việt Nam (Nguyễn Tập, 2007).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đa dạng các bậc taxon cây thuốc

Nghiên cứu cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Dao, Cao Lan tại xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn đã xác định được sự phong phú về thành phần loài cây thuốc, cụ thể có 123 loài thực vật bậc cao có mạch được sử dụng làm thuốc thuộc 100 chi và 69 họ (bảng 1).

Bảng 1. Phân bố các ngành thực vật làm thuốc ở xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn

STT	Ngành thực vật		Họ		Chi		Loài	
			SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Ngành Dương xỉ	Pteridophyta	3	4,34	3	2,65	3	2,43
2	Ngành Thông	Pinophyta	1	1,44	1	0,88	1	0,813
3	Ngành Ngọc lan	Magnoliophyta	65	94,20	109	96,46	119	96,74
Tổng			69	100	113	100	123	100

Dữ liệu bảng 1 cho thấy, các loài cây thuốc thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch đó là: Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Thông (Pinophyta). Trong đó ngành Ngọc lan có 119 loài (chiếm 96,74% tổng số loài, thuộc 109 chi (chiếm 96,46% tổng số chi) và 65 họ (chiếm 94,20% tổng số họ); ngành Dương xỉ có 3 loài (chiếm

2,43%), thuộc 3 chi (chiếm 2,65%) và 3 họ (chiếm 4,34%); ngành Thông có 1 loài, đó là loài Dây gắm - *Gnetum montanum* Markgr.

Sự phân bố không đồng đều nhau của các taxon không chỉ được thể hiện giữa các ngành mà còn thể hiện qua sự chiếm ưu thế của các lớp trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Số liệu được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Số lượng họ, chi, loài thuộc hai lớp trong ngành Ngọc lan

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
Lớp Ngọc lan - Magnoliopsida	49	75,38	86	78,89	94	78,99
Lớp Hành - Liliopsida	16	24,61	23	21,10	25	20,01
Ngành Ngọc lan - Magnoliophyta	65	100	109	100	119	100
Tỷ lệ lớp Ngọc lan/lớp Hành	3,06		3,73		3,94	

Kết quả cho thấy, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 49 họ (chiếm 75,38%), 86 chi (chiếm 78,89%) và 94 loài (chiếm 78,99%). Một số loài thuộc lớp Ngọc lan có thể kể đến như: loài *Nauclea orientalis* L. - Gáo vàng

(1.Tán vàng) được cộng đồng dân tộc Dao ở KVNC sử dụng để chữa vàng da ở trẻ, viêm gan, vàng móng tay, tiêu vàng, gan nhiễm mỡ, gan nhiễm máu. Loài *Celastrus hindsii* Benth - Xạ đen được dân tộc Dao sử dụng để điều trị viêm da

dày. Loài *Cuscuta chinensis* Lamk - Tơ hồng vàng dùng để chữa tiểu đường, xương khớp. Loài *Gynostemma pentaphyllum* Thunb. - Giảo cổ lam được sử dụng để chữa huyết áp, mát gan...

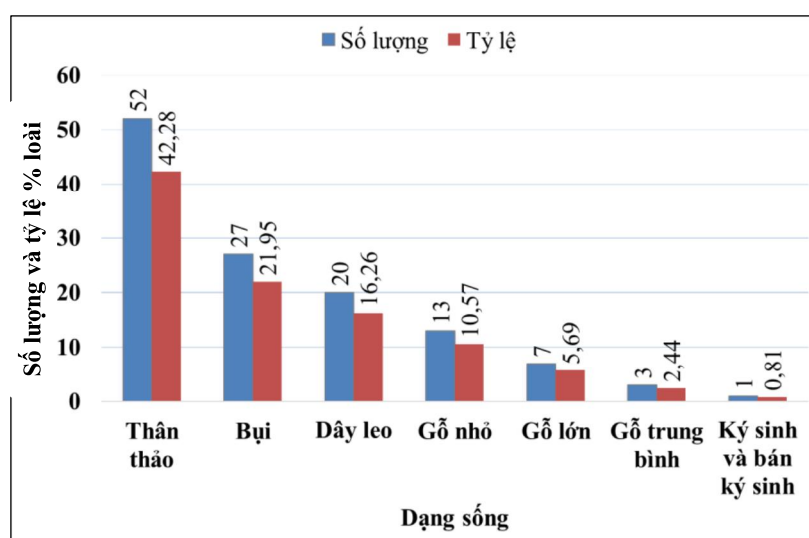
Lớp Hành (Liliopsida) chiếm tỉ trọng thấp hơn với 25 loài, 23 chi và 16 họ. Có thể kể đến một số loài thuộc lớp Hành là: loài *Zingiber zerumbet* L. - Gừng gió được sử dụng để điều trị rắn cắn, giải độc. Loài *Paris chinensis* Franch - Bầy lá một hoa được dùng để điều trị rắn cắn, gãy xương. Loài *Cordyline var.tricolor* Hort - Huyết dụ đỏ được dân tộc Dao sử dụng chữa sỏi thận, vô sinh, đau bụng, nước tiểu đỏ, và dân tộc Cao Lan sử dụng để

chữa sỏi thận, động kinh. Loài *Anoectochilus setaceus* Blume - Lan kim tuyến được sử dụng làm thuốc bổ máu, mát gan...

Tỷ lệ họ giữa lớp Ngọc lan với lớp Hành là 3,06 nghĩa là trung bình cứ 3 họ thuộc lớp Ngọc lan thì sẽ có 1 họ thuộc lớp Hành; tương tự tỷ lệ các bậc chi và bậc loài lần lượt là 3,73 và 3,94, điều này có nghĩa trung bình cứ 3 chi và 3 loài thuộc lớp Ngọc lan sẽ có 1 chi và 1 loài thuộc lớp Hành.

3.2. Đa dạng về dạng sống các loài cây thuốc

Sự đa dạng về dạng sống của các loài thực vật làm thuốc tại KVNC thể hiện tại hình 1.



Hình 1. Đa dạng về dạng sống của nguồn tài nguyên cây thuốc tại KVNC

Dẫn liệu trên cho thấy phần lớn các cây thuốc được cộng đồng dân tộc Dao, Cao Lan ở KVNC sử dụng là dạng sống thân thảo, với 52/123 cây (chiếm 49,33% tổng số cây thuốc được phát hiện). Các cây thuộc nhóm này tập trung chủ yếu các họ: Gừng (Zingiberaceae), Hòa thảo (Poaceae), Cúc (Asteraceae), Bông (Malvaceae), Mía dò (Costaceae)... Có thể kể đến một số loài như: Cà gai leo - *Solanum procumbens* Lour được sử dụng chữa bệnh

viêm gan, sơ gan, ung thư vú; Bâu đất - *Gynura procumbens* Lour. được sử dụng chữa bệnh vô sinh; Bồ công anh - *Taraxacum officinale* Wigg được sử dụng chữa bệnh viêm đường ruột, đều kinh; Ngải cứu - *Artemisia vulgaris* L. có tác dụng chữa đau bụng, tiêu chảy, cầm máu...

Đứng thứ hai là dạng sống cây bụi với số lượng 27/123 loài được sử dụng làm thuốc (chiếm 21,91%), dạng cây này tập trung chủ

yếu ở các họ: Ô rô (Acanthaceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), Cà phê (Rubiaceae), Vang (Caesalpinaceae)... Có thể kể đến một số loài như: Xương khỉ - *Clinacanthus nutans* Brm. f. được sử dụng chữa xương khớp, đắp ngoài da, thoái hóa cột sống; Dành dành - *Gardenia augusta* L. được sử dụng điều trị đau lưng, nước tiểu đỏ; Thầu dầu - *Ricinus communis* L. có tác dụng chữa xương khớp, trĩ, vô sinh, đau bụng; Ké hoa đào - *Urena lobata* L. có tác dụng chữa ho, viêm họng, đau lưng...

Đứng thứ ba dạng dây leo với 20/123 loài được sử dụng làm thuốc (chiếm 16,26%), dạng cây này tập trung chủ yếu ở các họ: Tiết dê (Menispermaceae), Lạc tiên (Paasifloraceae), Bồng bong (Schizaeaceae), Hoa chuông (Campanulaceae)... Một số loài cây thuốc thuộc nhóm này như sau: Bồng bong - *Lygodium flexuosum* Sw. có tác dụng chữa xương khớp, sỏi thận; Hoàng đằng - *Fibraurea tinctoria* Lour được sử dụng chữa viêm gan, xơ gan viêm gan B, vàng da ở trẻ em; Lạc tiên - *Passiflora foetida* L. được sử dụng điều trị mất ngủ, hắc

lào, Bò khai - *Erythralum scandens* Blume có tác dụng chữa bệnh xương khớp...

Thấp nhất là dạng cây ký sinh với 1 loài (chiếm 0,81%) đó là loài Tơ hồng vàng - *Cuscuta chinensis* Lamk thuộc họ Tơ hồng (Cuscutaceae) có tác dụng điều trị bệnh tiểu đường, xương khớp.

Nhìn chung, những dữ liệu trên đã chứng minh kinh nghiệm sử dụng các dạng cây cỏ làm thuốc trong chữa trị bệnh của cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan tại KVNC khá đa dạng và phong phú.

3.3. Đa dạng về môi trường sống các loài cây thuốc

Việc phân chia các loại môi trường sống được căn cứ vào địa hình, đất đai, khí hậu, nơi mà cây thuốc đó phát triển. Cây thuốc ở KVNC có các dạng môi trường sau: (i) làng xóm, làng bản, vườn; (ii) rừng (trồng, tái sinh, tự nhiên); (iii) đồi cây bụi, đồi trọc, trảng cỏ; (iv) ven sông (bảng 3).

Bảng 3. Đa dạng về môi trường sống của nguồn tài nguyên cây thuốc tại KVNC

STT	Nơi sống	Số loài	Tỷ lệ %
1	Làng xóm, làng bản, vườn	86	69,91
2	Rừng (trồng, tái sinh, tự nhiên)	60	48,78
3	Đồi cây bụi, đồi trọc, trảng cỏ	29	23,57
4	Ven sông	16	13,00

Chú thích: Tỷ lệ % trong bảng hơn 100% do một số loài có thể sống ở nhiều môi trường khác nhau

Kết quả cho thấy, số lượng loài cây thuốc phân bố trên các môi trường sống rất khác nhau.

Ở môi trường xung quanh làng xóm, làng bản, vườn có số lượng cây thuốc nhiều nhất với 86/123 loài (chiếm 69,91% so với tổng số loài điều tra được), trong đó phải kể đến một số loài bà con sử dụng nhiều như: Khổ sâm - *Croton tonkinensis* Gagnep được bà

con dân tộc Dao sử dụng để chữa viêm loét dạ dày; Ôi - *Psidium guajava* L. được dân tộc Dao sử dụng điều trị tiêu chảy, đau bụng; loài Quýt - *Citrus reticulata* Blanco được cộng đồng dân tộc Cao Lan sử dụng để điều trị bệnh động kinh...

Đứng thứ hai là các loài cây thuốc phân bố ở rừng có 60/123 loài (chiếm tỷ lệ 48,78%),

trong đó có thể kể đến một số loài được bà con sử dụng như: Cầu tích - *Valeriana hardwickii* Wall. In Roxb được cộng đồng tộc Dao sử dụng làm thuốc bổ, đau lưng, mỏi chân tay; Dây gắm - *Gnetum montanum* Markgr được cộng đồng dân tộc Dao sử dụng chữa bệnh thoái hóa cột sống; Tiết dê - *Cissampelos pareira* L. được cộng đồng dân tộc Cao Lan sử dụng chữa bệnh động kinh...

Đứng thứ ba là những loài cây thuốc phân bố những nơi đồi cây bụi, đồi trọc trắng cỏ 29/107 loài (chiếm 23,57%); Đàng sâm - *Codonopsis javannica* Blume được cộng đồng dân tộc sử dụng để điều trị nhiệt miệng, ngâm rượu uống, Bình vôi - *Stephania rotunda* Lour được cộng đồng dân tộc sử dụng làm thuốc bổ, Bóp bóp - *Eupatorium odoratum* L. được dân tộc Dao dùng để điều trị rắn cắn, cầm máu...

Thấp nhất là những cây thuốc phân bố ở những khu vực ven sông với 16 loài, chiếm 13,00%. Một số loài đại diện của nhóm này có thể kể đến như: Cỏ tháp bút - *Equisetum arvense* L. (1. Bát đàn) được cộng đồng dân tộc Dao sử dụng điều trị mụn nhọt, mắt gan, vàng da ở trẻ, viêm gan, tiểu vàng, gan nhiễm mỡ, gan nhiễm máu; Mã đề - *Plantago major* L. được cộng đồng dân tộc Dao sử dụng điều trị đái dầm, ho, lợi tiểu, viêm phế quản, cầm máu, sỏi thận; Cỏ xước - *Achyranthes aspera* L. được cộng đồng dân tộc Dao dùng để điều trị xương khớp...

Nhìn chung, đánh giá tính đa dạng về sự phân bố số cây theo môi trường sống cho thấy các loài cây thuốc có điều kiện sống rất đa dạng, phạm vi phân bố khác nhau. Nghiên cứu về môi trường sống của từng loài là một việc rất quan trọng, điều này rất có ý nghĩa cho công tác bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh.

3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc theo kinh nghiệm sử dụng của cộng đồng dân tộc thiểu số tại KVNC

Nghiên cứu về các bộ phận sử dụng làm thuốc không chỉ cho thấy tính chất phong phú và đa dạng trong khả năng chữa bệnh của các bộ phận đó, mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với công tác bảo tồn. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu các bộ phận sử dụng làm thuốc phần nào đánh giá được tính bền vững trong thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên cây thuốc trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại KVNC (bảng 4).

Bảng 4. Đa dạng về các bộ phận sử dụng làm thuốc

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Lá	54	43,90
2	Thân	45	36,59
3	Cả cây	37	30,08
4	Rễ	19	15,45
5	Củ	15	12,20
6	Vỏ	9	7,32
7	Nhựa	1	0,81

Chú thích: Tỷ lệ % trong bảng hơn 100% do một số loài có thể sử dụng nhiều bộ phận khác nhau.

Dẫn liệu cho thấy có 7 bộ phận cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Dao, Cao Lan ở KVNC để chữa trị bệnh cho người dân. Trong đó bộ phận lá, thân, cả cây được sử dụng nhiều hơn so với các bộ phận khác, cụ thể: bộ phận lá cây được sử dụng nhiều nhất với 54/123 loài (chiếm 43,90%). Có thể nói sử dụng lá cây làm thuốc sẽ giúp những cây thuốc được sử dụng lâu dài hơn, không bị suy giảm và bảo vệ được số lượng nguồn cây thuốc; kế tiếp là bộ phận thân với 45/123 loài (chiếm 36,59%) được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm sử dụng của cộng

đồng dân tộc Dao, Cao Lan ở KVNC; đứng thứ ba là sử dụng cả cây làm thuốc với 37/123 loài (chiếm 30,08%).

Tóm lại: việc sử dụng cả cây hoặc thân cây hoặc rễ cây làm thuốc trong thời gian lâu dài sẽ rất bất lợi trong việc đảm bảo số lượng nguồn tài nguyên cây thuốc quý và bảo tồn nguồn gen của cây thuốc. Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh các giải pháp mở rộng quy mô trồng, nhân giống những cây thuốc có bộ phận được sử dụng là cả cây, thân cây hoặc rễ cây

để bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây dược liệu trong KVNC nói riêng và Việt Nam nói chung.

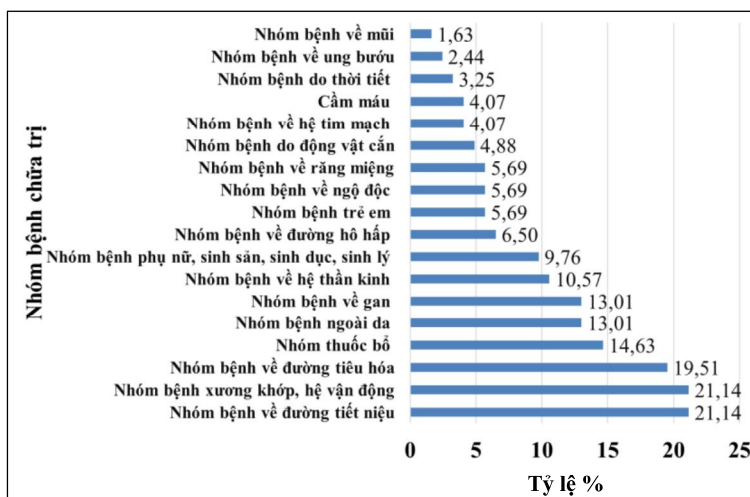
3.5. Đa dạng về công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc theo kinh nghiệm sử dụng của cộng đồng dân tộc thiểu số tại KVNC

Kết quả nghiên cứu việc sử dụng cây thuốc để chữa bệnh của cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan tại KVNC mang những nét độc đáo và mang tính gia truyền với 18 nhóm bệnh được tổng hợp tại bảng 5 và hình 2.

Bảng 5. Tỷ lệ số loài có công dụng chữa các nhóm bệnh cụ thể

STT	Nhóm bệnh cụ thể	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhóm bệnh về đường tiết niệu (Sỏi thận, lợi tiểu, tiểu buốt, tiểu vàng, viêm thận...)	26	21,14
2	Nhóm bệnh xương khớp, hệ vận động (Xương khớp, đau lưng, mỏi chân tay, thoái hóa cột sống, gãy xương...)	26	21,14
3	Nhóm bệnh về đường tiêu hóa (Viêm loét dạ dày, đau bụng, tiêu chảy, viêm đường ruột, táo bón, trĩ...)	24	19,51
4	Nhóm thuốc bổ (Thuốc bổ thận, mát gan, ngâm rượu uống, bổ máu, bổ gan...)	18	14,63
5	Nhóm bệnh ngoài da (Vàng da, mụn nhọt, bồng ngoài da, hắc bào, dị ứng, bó chân tay ngoài da bị dao cắt...)	16	13,01
6	Nhóm bệnh về gan (Gan nhiễm máu, gan nhiễm mỡ, viêm gan, xơ gan, viêm gan B, viêm gan C...)	16	13,01
7	Nhóm bệnh về hệ thần kinh (Đau đầu, thần kinh tọa, thần kinh, mất ngủ...)	13	10,57
8	Nhóm bệnh phụ nữ, sinh sản, sinh dục, sinh lý (Vô sinh, làm cương dương, điều kinh, giữ thai...)	12	9,76
9	Nhóm bệnh về đường hô hấp (Ho, viêm xoang, sốt rét, viêm phế quản, hạ sốt, viêm họng...)	8	6,50
10	Nhóm bệnh của trẻ em (Vàng da ở trẻ, tã cho trẻ em bị mẩn ngứa, thuốc ho cho trẻ em, cam sài ở trẻ...)	7	5,69
11	Nhóm bệnh về ngộ độc (Giải độc...)	7	5,69
12	Nhóm bệnh về răng miệng (Đau răng, nhiệt miệng...)	7	5,69
13	Nhóm bệnh do động vật cắn (rắn cắn...)	6	4,88
14	Nhóm bệnh về hệ tim mạch (Hạ huyết áp, đau tim...)	5	4,07
15	Cầm máu	5	4,07
16	Nhóm bệnh do thời tiết (Cảm gió, chảy máu cam...)	4	3,25
17	Nhóm bệnh về ung bướu (Ung thư vú, quai bị...)	3	2,44
18	Nhóm bệnh về mũi (viêm xoang mũi...)	2	1,63

Chú thích: Tỷ lệ % trong bảng hơn 100% do một số loài có thể sử dụng chữa nhiều nhóm bệnh khác nhau.



Hình 2. Tỷ lệ số loài có công dụng chữa các nhóm bệnh cụ thể theo kinh nghiệm sử dụng của một số cộng đồng dân tộc thiểu số tại KVNC

Kết quả cho thấy, cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan ở KVNC sử dụng cây thuốc để chữa trị được 18 nhóm bệnh khác nhau, trong đó có những căn bệnh nan y như: gan, thận, tim, xương khớp, đường hô hấp, hệ thần kinh, ung bướu... Số lượng cây thuốc được sử dụng để chữa trị tập trung phần lớn vào 4 nhóm bệnh sau:

- Nhóm bệnh về đường tiết niệu: có 26 loài (chiếm 22,67%), những loài này thuộc các họ như: Zingiberaceae (họ gừng), Rubiaceae (họ Cà phê), Myrtaceae (họ Sim), Euphorbiaceae (họ Thầu dầu), Poaceae (họ Hòa thảo)... Một số loài phổ biến ở nhóm này như: Sa nhân - *Amomum villosum* Lour. có công dụng chữa bệnh sỏi thận; Rẻ quạt - *Belamcanda chinensis* L. chữa ho, sỏi thận, cảm gió; Gáo vàng - *Nauclea orientalis* L. chữa bệnh vàng da ở trẻ, viêm gan, vàng móng tay, tiểu vàng, gan nhiễm mỡ, gan nhiễm máu; Mía dò - *Costus speciosus* Koenig chữa bệnh viêm gan, xơ gan, viêm loét dạ dày, viêm thận; Cói xay - *Abutilon indicum* L. chữa bệnh viêm gan, Sỏi thận; Đỗ trọng nam - *Jatropha multifida* L. chữa sỏi thận, xương khớp...

- Tương tự với nhóm bệnh xương khớp, hệ vận động cũng có 26 loài (chiếm 22,67%), những

loài này thuộc các họ như: Trilliaceae (họ Trọng lâu), Moraceae (họ Dâu tằm), Menispermaceae (họ Tiết dẻ), Rutaceae (họ Cam), Convallariaceae (họ Mạch môn đông)... Một số loài như: Xương khí - *Clinacanthus nutans* Brm. f. có tác dụng chữa bệnh xương khớp, thoái hóa cột sống; Dây đau xương - *Tinospora sinensis* Lour. chữa bệnh xương khớp; Sâm cau - *Peliosanthes teta* Andr. dùng chữa bệnh thoái hóa cột sống; Cầu tích - *Valeriana hardwickii* Wall. in Roxb. có tác dụng làm thuốc bổ, chữa bệnh đau lưng, mỏi chân tay; Ngũ gia bì - *Acanthopanax lasiogyne* Harms chữa xương khớp, thoái hóa cột sống...

- Nhóm bệnh về đường tiêu hóa: có 24 loài (chiếm 19,51%), các loài cây trong nhóm này tập trung vào các họ như: Asteraceae (họ Cúc), Fabaceae (họ Đậu), Polygonaceae (họ Rau răm), Rosaceae (họ Hoa hồng), Campanulaceae (họ Hoa chuông), Myrsinaceae (họ Đơn nem)... Một số loài như: Mật gấu - *Gymnanthemum amygdalinum* có tác dụng chữa tiêu chảy, hạ huyết áp, giải độc; Núc nác - *Oroxylum indicum* L. có tác dụng chữa bệnh ngoài da; Cơm cháy - *Sambucus javanica* Blume chữa viêm dạ dày, viêm gan; Bồ công anh - *Taraxacum officinale* Wigg chữa bệnh viêm đường ruột; Vòng - *Erythrina*

stricta Roxb. chữa bệnh trĩ nội, trĩ ngoại và nhiễm trùng máu...

- Nhóm thuốc bổ: có 18/123 loài có công dụng làm thuốc bổ, chiếm 14,63%. Các loài này phân bố chủ yếu trong các họ như: Valerianaceae (họ Nữ lang), Orchidaceae (họ Lan), Sargeentodotaceae (họ Huyết đằng), Fabaceae (họ Đậu)... Một số loài cây có thể kể đến trong nhóm này như: Hoàng tinh trắng - *Disporopsis longifolia* Craib; Lan kim tuyến - *Anoetochilus setaceus* Blume; Bình vôi - *Stephania rotunda* Lour; Đàng sâm - *Codonopsis javannica* Blume; Hà thủ ô đỏ - *Fallopia multiflora* Haraldson...

Nhìn chung kinh nghiệm sử dụng cây thuốc chữa trị bệnh từ nguồn cây thuốc của cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan tại KVNC rất đa dạng. Kết quả nghiên cứu đã đạt được sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho các công trình nghiên cứu tiếp theo về bảo tồn, phát triển bền vững các loài cây thuốc sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng Dao, Cao Lan tại KVNC.

3.6. Những cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở Việt Nam đã ghi nhận được tại KVNC

Nghiên cứu này đã xác định được các loài cây thuốc thuộc diện quý hiếm cần bảo vệ được ghi nhận tại KVNC. Kết quả được tổng hợp tại bảng 6.

Bảng 5. Danh mục cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn được ghi nhận tại KVNC

STT	Tên khoa học	Thuộc họ	Cấp quy định		
			SDVN, 2007	NĐ 06/2019/ NĐ-CP	DLĐCTVN 2007
1	Lan kim tuyến <i>Anoetochilus setaceus</i> Blume	Lan Orchidaceae	EN	IA	
2	Cầu tích <i>Cibotium barometz</i>	Kim mao Dicksoniaceae		IIA	
3	Đàng sâm <i>Codonopsis javannica</i> Blume	Hoa chuông Campanulaceae	VU	IIA	EN
4	Bình vôi <i>Stephania rotunda</i> Lour	Tiết dê Menispermaceae		IIA	
5	Hoàng tinh hoa trắng <i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Mạch môn đồng Convallariaceae		IIA	
6	Bầy lá một hoa <i>Paris chinensis</i> Franch	Trọng lâu Trilliaceae		IIA	CR
7	Hà thủ ô đỏ <i>Fallopia multiflora</i> Haraldson	Rau răm Polygonaceae	VU		
8	Giảo cổ lam <i>Gynostemma pentaphyllum</i> Makino	Bầu bí Cucurbitaceae	EN		
9	Lá khô <i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Đơn nem Myrsinaceae	VU		
10	Sâm cau <i>Peliosanthes teta</i> Andr.	Mạch môn đồng Convallariaceae	VU		
11	Hoàng đằng <i>Fibraurea tinctoria</i> Lour	Tiết dê Menispermaceae		IIA	

Chú thích: SDVN: Sách Đỏ Việt Nam, 2007; NĐ 06/2019/NĐ-CP: Nghị định 06 của Chính phủ; DLĐCTVN: Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2007; VU: Sắp nguy cấp - Vulnerable; EN: Nguy cấp - Endangered; CR: Rất nguy cấp - Critically Endangered; IA: Những loài thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, bị cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái nhập khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật khai thác từ tự nhiên vì mục đích thương mại; IIA: Những loài thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể sẽ bị tuyệt chủng.

Kết quả cho thấy, tại KVNC đã phát hiện có 11 loài cây thuốc quý hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam (chiếm 8,94% tổng số loài), thuộc 9 họ và 11 chi của ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó có 7 loài thuộc Sách Đỏ Việt Nam năm 2007, 2 loài thuộc Nghị định 06/2019 của Chính phủ và 6 loài thuộc Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2007. Cụ thể:

Số loài có tên trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP là 7 loài, trong đó có 1 loài ở mức IA - Nghiêm cấm khai thác sử dụng đó là loài Lan kim tuyến - *Anoectochilus setaceus* Blume được cộng đồng dân tộc Dao ở KVNC sử dụng làm thuốc bổ máu, mát gan. Ở mức IIA - Hạn chế khai thác sử dụng có 6 loài chiếm 54,54% tổng số loài thuộc diện cần bảo tồn đã phát hiện được ở KVNC, gồm các loài: Cầu tích - *Cibotium barometz*; Đẳng Sâm - *Codonopsis javanica* Blume; Bình vôi - *Stephania rotunda* Lour; Hoàng tinh hoa trắng - *Disporopsis longifolia* Craib; Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch; Hoàng đằng - *Fibraurea tinctoria* Lour.

Số loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) là 6 loài, trong đó có 2 loài ở mức độ đang nguy cấp (EN) chiếm 18,18% tổng số loài cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn đã phát hiện được ở KVNC đó là loài Lan kim tuyến - *Anoectochilus setaceus* Blume và Giảo cổ lam - *Gynostemma pentaphyllum* Makino; Có 4 loài ở mức độ sắp nguy cấp (VU) chiếm 36,36% tổng số loài cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn đã phát hiện được ở KVNC đó là các loài: Đẳng sâm - *Codonopsis javanica* Blume; Hà thủ ô đỏ - *Fallopia multiflora* Haraldson; Lá khô - *Ardisia silvestris* Pitard và Sâm cau - *Peliosanthes teta* Andr.

Theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) có 5 loài, trong đó có 4 loài ở mức độ nguy cấp (EN) chiếm 36,36% tổng số loài cây thuốc

thuộc diện cần bảo tồn và có 1 loài thuộc mức độ cực kỳ nguy cấp (CR) đó là Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch.

Tóm lại ở KVNC có 11 loài cây thuốc thuộc diện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam, đây đều là các loài cây thuốc có giá trị cao trong y dược cũng như giá trị về kinh tế. Vì vậy cần phải nâng cao ý thức bảo vệ của người dân và ưu tiên trong bảo tồn nguồn gen quý hiếm để phục vụ cho công tác chữa bệnh lâu dài của người dân nơi đây.

IV. KẾT LUẬN

- Đã thu được 123 loài thực vật thuộc các ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), Dương xỉ (Pteridophyta) và ngành Thông (Pinophyta). Trong đó, ngành Ngọc lan có 119 loài thuộc 109 chi và 65 họ; ngành Dương xỉ có 3 loài thuộc 3 chi và 3 họ; ngành Thông có 1 loài thuộc 1 chi và 1 họ có công dụng làm thuốc.

- Dạng sống của nguồn tài nguyên cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan ở KVNC có 7 dạng sống, trong đó phần lớn tập trung ở dạng sống thân thảo và cây bụi.

- Các loài cây thuốc phân bố trong 4 môi trường sống đó là: xung quanh làng bản, làng xóm, vườn, rừng, đồi cây bụi, đồi trọc, trảng cỏ và ven sông.

- Đã xác định được 7 bộ phận của cây thuốc được cộng đồng dân tộc Dao và Cao Lan ở KVNC khai thác sử dụng, trong đó 3 bộ phận lá, thân cây và cả cây có tần suất được sử dụng nhiều nhất.

- Đã thống kê được 18 nhóm bệnh khác nhau được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong cộng đồng dân tộc Dao, Cao Lan ở KVNC. Trong đó phần lớn các loài cây thuốc điều tra được tập trung nhiều ở 4 nhóm: nhóm bệnh về đường tiết niệu; nhóm bệnh xương

khớp, hệ vận động; nhóm bệnh về đường tiêu hóa; nhóm thuốc bổ.

- Đã xác định được 11 loài cây thuốc ở KVNC thuộc danh sách các loài cần bảo tồn ở Việt

Nam, trong đó có 7 loài thuộc Sách Đỏ Việt Nam năm 2007, 2 loài thuộc Nghị định 06/2019 của Chính phủ và 6 loài có tên trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2007.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam: phần II Thực vật, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1 - 2, NXB Hà Nội, Hà Nội.
3. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2019. Nghị định 06/2019/CP-NĐ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, Hà Nội.
4. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Hà Nội.
6. Nguyễn Tập, 2007. Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam, Mạng lưới lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Hà Nội.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn Lâm Việt Nam, 2006. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2 - 3.
10. Viện Dược Liệu, 1993. Tài Nguyên cây thuốc Việt Nam, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Email tác giả liên hệ: nguyenthithuhien@tlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/07/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 11/07/2021

Ngày duyệt đăng: 14/07/2021